

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

Số: 3603/SXD-KT&VLXD

V/v hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá ngày công chuyên gia tư vấn đề lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chủ đầu tư các công trình xây dựng và các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Thực hiện Công văn số 7544/UBND-CN ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó giao Sở Xây dựng chủ trì khảo sát, công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh theo các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 10/2021/NĐ-CP; Thông tư số 13/2021/TT-BXD và số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng có hiệu lực từ 15/10/2021. Hiện nay, Sở Xây dựng đang tiến hành các bước để triển khai thực hiện, tuy nhiên để xác định giá nhân công phải tiến hành khảo sát, thu thập thông tin theo đúng quy trình hướng dẫn của Bộ Xây dựng. Do vậy, để đảm bảo quá trình xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng liên tục, không gián đoạn, Sở Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng và đơn giá ngày công chuyên gia tư vấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An **kể từ ngày 15/10/2021** cho đến khi công bố đơn giá nhân công mới theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD như sau:

1. *Đơn giá nhân công xây dựng*: Thực hiện theo Quyết định số 1104/QĐ-SXD ngày 08/5/2020 của Sở Xây dựng Nghệ An và được chuyển đổi theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, cụ thể tại Phụ lục đính kèm;

2. *Đơn giá ngày công chuyên gia tư vấn xây dựng*: Xác định theo quy định tại Bảng 6.3, Phụ lục VI (Phương pháp xác định dự toán chi phí tư vấn), kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng hướng dẫn để các Cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Nghệ An được biết và thực hiện thống nhất. /*gpc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Vũ Tuấn Dũng;
- Phòng KT&VLXD;
- Lưu: VT.



Nguyễn Trường Giang

Phụ lục

Đơn giá nhân công xây dựng tỉnh Nghệ An kể từ ngày 15/10/2021 chuyển đổi theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

Đơn vị tính: (đồng/ngày.công)

STT	NHÓM	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực	
			Khu vực 1 (Vùng III)	Khu vực 2 (Vùng IV)
I	Nhóm nhân công xây dựng			
1.1	Nhóm I	3,5/7	234.000	225.000
1.2	Nhóm II	3,5/7	236.400	227.400
1.3	Nhóm III	3,5/7	239.000	230.000
1.4	Nhóm IV			
	+ Nhóm vận hành máy, thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	239.500	230.500
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	239.500	230.500
II	Nhóm nhân công khác			
2.1	Vận hành tàu, thuyền			
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó			
	- Thuyền trưởng			
	* Tàu, ca nô có công suất máy chính từ 5CV đến 150CV	1,5/2	368.000	351.000
	* Tàu, ca nô có công suất máy chính trên 150CV, cần cầu nổi, tàu đồng cọc	1,5/2	383.000	365.000
	* Tàu hút nạo vét sông công suất dưới 150 m ³ /h	1,5/2	398.000	379.000
	* Tàu hút nạo vét sông công suất từ 150 m ³ /h đến 300 m ³ /h	1,5/2	414.000	394.000
	* Tàu hút nạo vét sông suất trên 300 m ³ /h, tàu cuốc nạo vét sông công suất dưới 300 m ³ /h	1,5/2	428.000	408.000
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 300 m ³ /h đến 800 m ³ /h	1,5/2	436.000	415.000
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 800 m ³ /h trở lên	1,5/2	443.000	422.000
	- Thuyền phó			
	* Tàu, ca nô có công suất máy chính từ 5CV đến 150CV	1,5/2	350.000	334.000
	* Tàu, ca nô có công suất máy chính trên 150CV; cần cầu nổi; tàu đóng cọc	1,5/2	365.000	348.000
	* Tàu hút nạo vét sông công suất dưới 150 m ³ /h	1,5/2	379.000	361.000
	* Tàu hút nạo vét sông công suất từ 150 m ³ /h đến 300 m ³ /h	1,5/2	394.000	375.000
	* Tàu hút nạo vét sông suất trên 300 m ³ /h, tàu cuốc nạo vét sông công suất dưới 300 m ³ /h	1,5/2	408.000	389.000

STT	NHÓM	Cấp bậc	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực	
			Khu vực 1 (Vùng III)	Khu vực 2 (Vùng IV)
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 300 m ³ /h đến 800 m ³ /h	1,5/2	415.000	395.000
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 800 m ³ /h trở lên	1,5/2	422.000	402.000
	+ Thủy thủ, thợ máy (thợ điện)	2/4	296.000	280.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông			
	* Tàu hút công suất dưới 150 m ³ /h	1,5/2	386.000	368.000
	* Tàu hút công suất từ 150 m ³ /h đến 300 m ³ /h	1,5/2	402.000	383.000
	* Tàu hút công suất trên 300 m ³ /h, tàu cuốc dưới 300 m ³ /h	1,5/2	416.000	396.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu biển			
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 300 m ³ /h đến 800 m ³ /h	1,5/2	423.000	403.000
	* Tàu nạo vét biển công suất từ 800 m ³ /h trở lên	1,5/2	430.000	410.000
2.2	Thợ lặn	2/4	527.000	502.000
2.3	Kỹ sư (khảo sát, thí nghiệm)	4/8	246.000	237.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	527.000	502.000

Chi chú:

- Tỉnh Nghệ An được chia làm 02 khu vực theo phân vùng lương tối thiểu vùng tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/12/2019 của Chính phủ:
 - Khu vực 1 (Vùng III) : thành phố Vinh, thị xã Cửa Lò, huyện Hưng Nguyên, huyện Nghi Lộc.
 - Khu vực 2 (Vùng IV): Các địa phương còn lại.
- Nhóm I-IV được quy định tại Mẫu đơn giá nhân công xây dựng, Phụ lục VIII Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

